TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 14-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Nhàn
2. Bà Nguyễn Thị Phương Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 460/2023/TLST-DS ngày 01 tháng12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà D là ông Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang và ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2023.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre

Ông B có mặt. Ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà N, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D là ông Nguyễn Minh B trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 16/02/2023, bà D có cho bà Phạm Thị Thu N vay số tiền 150.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để kinh doanh mua bán dừa, thời hạn vay là 06 tháng, không tính lãi suất. Việc vay tiền có làm giấy tay do bà N viết, ký tên, điểm chỉ và ghi rõ họ tên bên vay tiền là Phạm Thị Thu N. Quá thời hạn trả nợ bà D đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không trả nên phát sinh tranh chấp. Bà N vay tiền để làm ăn mua bán dừa, phát triển kinh tế chung trong gia đình nên bà D yêu cầu bà N và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đồng thời bà D yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/12/2023 về việc phong tỏa tài sản của bà N, ông T đối với một phần thửa đất số 66, diện tích 1.000m^2 để đảm bảo thi hành án.

Bị đơn bà Phạm Thị Thu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh T đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông bà đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng ông bà vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D đối với bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T.

Buộc bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng. Ghi nhận bà D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T cư trú tại khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị Thu N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông T là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Bà N, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ tòa án đã thu thập được để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[2.1] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp là "Giấy vay tiền" viết tay thể hiện nội dung ngày 16/02/2023, bà N có vay của bà D số tiền 150.000.000 đồng, không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 06 tháng , mục đích mua bán dừa. Bên vay cam kết thanh toán nợ theo đúng nội dung đã thỏa thuận. Bà N có ký tên, điểm chỉ và ghi rõ họ tên bên vay Phạm Thị Thu N. Bà D có ký và ghi họ tên Nguyễn Thị Ngọc D bên cho vay. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bà N có vay của bà D số tiền nêu trên. Quá thời hạn nhưng bà N không trả nợ theo đúng như thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà D khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên, đây là sự tự nguyện của bà D, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới: Bà N và ông T là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Số tiền nợ 150.000.000 đồng phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Mục đích bà N vay tiền là để mua bán dừa, phát triển kinh tế gia đình. Đều này phù hợp với xác minh của Tòa án tại địa phương là bà N, ông T làm nghề mua bán dừa, bà N là người trực tiếp mua bán dừa, còn ông T làm tài xế lái xe tải đi thu gom dừa. Bà N, ông T còn chung sống với nhau và làm ăn chung. Như vậy, có căn cứ xác định bà N vay tiền nhằm mục đích phát triển kinh tế chung trong gia đình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình cần buộc ông T có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả tiền nợ cho bà D là phù hợp.

[2.3] Về yêu cầu tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Thấy rằng, việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/12/2023 đối với một

phần thửa đất số 66, diện tích 1.000m^2 để đảm bảo thi hành án là cần thiết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên để đảm bảo thi hành án theo như yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ được chấp nhận.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ được chấp nhận. Buộc bà N, ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, không tính lãi suất. Tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/12/2023 đối với một phần thửa đất số 66, diện tích 1.000m^2 để đảm bảo thi hành án.

[3] Về chi phí thu thập chứng cứ tổng cộng là 762.000 đồng, bà D tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận nên bà N, ông T phải chịu án phí theo quy định là 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Ngọc D.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T.

Buộc bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền nợ là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Ngọc D không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi h ành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ theo Quyết định số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 19/12/2023 đối với một phần thửa đất số 66, diện tích 1.000m^2 để đảm bảo thi hành án.

2. Về chi phí thu thập chứng cứ bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu số tiền là 762.000đ (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn đồng) và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Thu N, ông Võ Thanh T phải chịu số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0002597 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang